TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 01 - 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;

2. Bà Huỳnh Hoa Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1991, nơi cư trú: số 402xx, khóm V, phường V, thành phố X, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: số 155, ấp A, xã B, thị xã K, tỉnh LA, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lý Tấn H, sinh năm 1989, nơi cư trú: số 402xx, khóm V, phường V, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Ngọc M trình bày:

Bà M và ông H tự quen biết và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn, thành phố X. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống chung với gia đình chồng tại địa chỉ số 402xx, khóm V, phường V, thành phố X, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, khoảng năm 2018, ông H đi Phú Quốc làm thuê. Thời gian đầu, có điện thoại và gửi tiền về

cho gia đình nhưng 02 năm sau đó, ông H không về nhà, không quan tâm đến gia đình và không gửi tiền nuôi dạy con chung. Bà M có khuyên ông H về gần nhà làm nhưng ông H không đồng ý. Hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, bà M yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà M và ông H có 02 con chung tên Lý Thị Bảo Trân, sinh ngày 31/12/2012 và Lý Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 07/01/2015. Từ nhỏ các con đã do bà M nuôi dạy, ông H đi làm xa không thể chăm sóc, nuôi dạy các con. Bà M hiện làm công nhân may, thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng và có chăn nuôi bò nên có đủ điều kiện để nuôi dạy 02 con phát triển tốt. Do đó, bà M yêu cầu được nuôi 02 con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người thân của ông H là bà Nguyễn Thị SM (mẹ ruột ông H), bà SM có thông báo lại cho ông H biết nhưng ông H không nộp văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông H đi làm xa không về nhà và cũng không gửi tiền phụ giúp bà nuôi con bà nhiều lần khuyên bảo ông H nhưng ông không đồng ý. Tình cảm không còn, bà M yêu cầu ly hôn với ông H. Bị đơn ông H nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo lời khai bà Siểm (mẹ ruột ông H): ông H có biết việc bà M kiện ly hôn và đồng ý ly hôn với M, do bận đi làm xa nên xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử. Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia

sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó, việc bà M yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Lý Thị Bảo Trân, sinh ngày 31/12/2012 và Lý Thị Bảo Ngọc sinh ngày 07/01/2015, hiện bà M đang nuôi dạy. Bà M có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dạy hai con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Về phía ông H, thông qua bà Siểm (mẹ ông H), ông H đồng ý giao hai con chung cho bà M nuôi dạy. Qua ghi nhận ý kiến cháu Bảo Trân (trên 7 tuổi) cháu có nguyện vọng sống cùng bà M. Xét, việc giao con chung cho bà M nuôi dạy là phù hợp quy định pháp luật, nguyện vọng của con nên chấp nhận. Công nhận sự tự nguyện của bà M trong việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền*:* Nguyên đơn bà Trần Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lý Tấn H có nơi cư trú: số 402xx, khóm V, phường V, thành phố X, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiến bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ngươn (nay là phường Vĩnh

Ngươn), thành phố X theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43/HT, quyển số 01/2012, ngày 04/6/2012 là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo lời khai của bà M trình bày: nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do ông H đi làm thuê ở Phú Quốc nhưng không về thăm nhà, không quan tâm đến gia đình và không gửi tiền về để phụ giúp nuôi dạy con chung.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị SM (mẹ ruột ông H) trình bày: Bà có nhận thay ông H những văn bản tố tụng của Tòa án, ngày 30/11/2021 cha của H chết nên H có về nhà và biết được M nộp đơn ly hôn nhưng H không muốn đến Tòa án. Đồng thời, H cho biết do vợ chồng thường xuyên xa cách nên phát sinh mâu thuẫn nếu M cương quyết ly hôn thì H đồng ý. Về con chung: H giao 02 con lại cho M nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt. Từ đó cho thấy, ông H biết việc bà M nộp đơn ly hôn nhưng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân, không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét, hôn nhân giữa bà M và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về việc ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà M và ông H có 02 con chung tên Lý Thị Bảo Trân, sinh ngày 31/12/2012 và Lý Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 07/01/2015. Hiện 02 con chung đang sống với bà M. Đồng thời, theo Biên bản ghi lời khai ngày 17/12/2021 của Tòa án, em Lý Thị Bảo Trân có nguyện vọng sống với bà M nếu cha mẹ ly hôn. Xét, để ổn định môi trường sống và gắn kết giữa các con chung nên Hội đồng xét xử xét quyết định giao 02 con chung cho bà M tiếp tục nuôi dạy cho đến tuổi trưởng thành, theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà M.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà M phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc M.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc M được ly hôn với ông Lý Tấn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43/HT, quyển số 01/2012, ngày 04 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Ngươn (nay là phường Vĩnh Ngươn), thành phố X, tỉnh An Giang, không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Trần Ngọc M được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Lý Thị Bảo Trân, sinh ngày 31/12/2012 và Lý Thị Bảo Ngọc, sinh ngày 07/01/2015, cho đến tuổi trưởng thành. Ông Lý Tấn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Trần Ngọc M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lý Tấn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc M phải chịu *300.000 (Ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0001821 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; Bà M đã nộp đủ án phí.

Ông Lý Tấn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Ngọc M và ông Lý Tấn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.X (1);
- UBND phường Châu Phú B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Đại Nam